

Số: 59/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2024/TLST- HNGĐ ngày 12/7/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Huyền T**, sinh năm 1998.

Bị đơn: Anh **Mạc Văn T1**, sinh năm 1996.

Cùng HKTT: **Khu dân cư T, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

Cùng tạm trú: **Số A đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Mạc Hải Đ**, sinh ngày 05/12/2018.

Người đại diện hợp pháp cho cháu **Đ** là anh **T1** và chị **T** (Bố mẹ đẻ).

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/7/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/7/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị Huyền T** và anh **Mạc Văn**

T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Huyền T** và anh **Mạc Văn T1** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị **T** và anh **T1** có 01 con chung là **Mạc Hải Đ**, sinh ngày 05/12/2018. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị **T** nuôi dưỡng cháu **Đ**. Anh Tú tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu là 2.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Tú được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị **T** có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu anh **T1** không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung: Đương sự khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị **Trần Thị Huyền T** tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0000463 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Hoàn trả chị **T** 150.000 đồng án phí thừa.

Anh **Mạc Văn T1** phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hưng Yên;
- UBND phường Bến Tắm, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương. (ĐK số 17, ngày 05/5/2018);
- Chi cục THADS TP Hưng Yên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Anh

